

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

đã được soát xét

J.M.S.C.

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	5 – 53
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 53

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500443916 ngày 04 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Khắc Sơn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Cử	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Thành viên	
Ông Kim Mạnh Hà	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cao Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Viết Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Định	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Số : 193/2021/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai được lập ngày 29 tháng 9 năm 2021, từ trang 05 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.442.553.998.456	3.946.964.517.120
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	33.646.951.507	135.705.319.116
1.	Tiền	111		29.646.951.507	126.705.319.116
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	9.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.041.088.500	5.041.088.500
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		41.088.500	41.088.500
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.778.736.794.693	3.142.281.619.044
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	2.414.225.077.797	2.649.217.107.236
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	143.269.743.753	120.300.190.985
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	17.124.133.155	79.153.127.984
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	494.627.059.334	603.771.080.732
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(290.509.219.346)	(310.159.887.893)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	607.084.996.935	659.094.466.230
1.	Hàng tồn kho	141		607.288.565.295	659.298.034.590
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(203.568.360)	(203.568.360)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.044.166.821	4.842.024.230
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	2.740.832.245	3.712.005.981
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.263.801.947	5.015.978
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	1.039.532.629	1.125.002.271
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.057.115.399.268	1.075.440.402.646
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		22.811.942.855	22.811.942.855
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	22.811.942.855	22.811.942.855
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		448.690.323.376	380.379.503.024
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	430.071.020.273	360.238.200.575
	- Nguyên giá	222		759.263.931.100	706.446.227.646
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(329.192.910.827)	(346.208.027.071)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	17.869.430.619	19.469.678.139
	- Nguyên giá	225		31.833.001.347	31.833.001.347
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(13.963.570.728)	(12.363.323.208)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	749.872.484	671.624.310
	- Nguyên giá	228		4.675.830.647	4.366.830.647
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.925.958.163)	(3.695.206.337)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.13	245.641.092.496	248.720.719.978
1.	Nguyên giá	231		276.995.259.321	276.995.259.321
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(31.354.166.825)	(28.274.539.343)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	6.068.114.137	9.418.065.978
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.068.114.137	9.418.065.978
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	313.455.152.387	384.555.152.387
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.483.002.387	210.583.002.387
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		157.422.150.000	157.422.150.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		16.550.000.000	16.550.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		20.448.774.017	29.555.018.424
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	16.190.770.332	22.344.842.731
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	4.258.003.685	7.210.175.693
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.499.669.397.724	5.022.404.919.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.653.143.107.342	4.155.022.080.596
I.	Nợ ngắn hạn	310		3.236.083.540.037	3.525.534.516.958
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	796.682.027.525	953.998.536.308
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	172.833.930.755	167.944.439.406
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	44.064.151.458	56.219.073.912
4.	Phải trả người lao động	314		25.850.387.997	49.138.598.910
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	289.622.337.400	213.553.668.205
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22	172.587.501	695.548.774
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	152.517.634.125	202.237.582.092
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.727.922.299.196	1.852.635.028.091
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	11.529.922.052	10.691.126.558
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.888.262.028	18.420.914.702
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		417.059.567.305	629.487.563.638
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.20	50.237.830.459	50.903.221.969
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.21	11.041.004.638	11.083.104.638
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	354.314.463.511	566.961.361.187
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		273.635.702	539.875.844
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	1.192.632.995	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		846.526.290.382	867.382.839.170
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.24	846.526.290.382	867.382.839.170
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		673.643.390.000	673.643.390.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		673.643.390.000	673.643.390.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30.845.085)	(30.845.085)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		12.786.188.032	12.781.208.333
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.870.305.599	154.040.445.717
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		151.378.671.560	27.055.721.308
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		(16.508.365.961)	126.984.724.409
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.257.251.836	26.948.640.205
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.499.669.397.724	5.022.404.919.766

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Ngọc Diệp

Mai Văn Định

Nguyễn Cao Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	592.973.705.627	642.000.985.295
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3.150.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		592.970.555.627	642.000.985.295
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	536.872.217.382	580.133.586.509
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.098.338.245	61.867.398.786
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	44.823.201.399	44.558.072.153
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	76.508.385.669	73.666.196.272
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		76.500.692.929	75.349.229.373
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	12.247.387
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	2.653.150.919	2.559.927.931
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	34.405.825.249	54.385.495.877
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.645.822.193)	(24.173.901.754)
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	9.369.112.217	2.606.603.192
13.	Chi phí khác	32	VI.07	5.085.510.029	937.059.516
14.	Lợi nhuận khác	40		4.283.602.188	1.669.543.676
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.362.220.005)	(22.504.358.078)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.567.830.069	1.141.443.083
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	2.685.931.866	280.419.637
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(16.615.981.940)	(23.926.220.798)
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(16.508.365.961)	(22.236.170.534)
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(107.615.979)	(1.702.297.651)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(245)	(344)
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(245)	(344)

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Mai Văn Định

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cao Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(8.362.220.005)	(22.504.358.078)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		30.388.799.844	29.261.188.527
-	Các khoản dự phòng	03		(17.619.240.058)	(3.775.997.091)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(55.556.715.666)	(41.268.997.328)
-	Chi phí lãi vay	06		76.500.692.929	72.588.936.303
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		3.761.076.979	(14.758.829.763)
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		29.112.394.023	19.541.942.570
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		410.905.988.616	176.576.577.900
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		67.266.110.539	(205.970.947.931)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(229.386.903.814)	(109.876.791.763)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.805.918.272	6.071.860.584
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(1.201.378.308)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(86.173.016.668)	(59.519.117.290)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.434.587.759)	(9.102.991.130)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	22.203.447
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.797.527.812)	(3.806.762.126)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		177.298.375.397	(187.265.404.047)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.608.827.697)	(28.806.187.156)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		4.072.393.813	359.090.909
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.900.000.000)	(5.000.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.928.994.829	1.425.297.500
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		71.100.000.000	2.018.500.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.071.725.066	3.923.698.408
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		106.664.286.011	(26.079.600.339)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	96.232.250.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		770.971.542.162	876.731.461.545
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.106.971.168.733)	(764.840.633.201)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.724.981.826)	(1.724.981.826)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.296.420.620)	(72.372.474.946)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(386.021.029.017)	134.025.621.572
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(102.058.367.609)	(79.319.382.814)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		135.705.319.116	154.045.436.507
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		33.646.951.507	74.726.053.693

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Ngọc Diệp

Mai Văn Định

Nguyễn Cao Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi, xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, các loại cầu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước;

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Tổng số Công ty con: 08 Công ty.
- Danh sách Công ty con được hợp nhất bao gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2021</i>
Công ty Cổ phần Xây lắp Xuân Mai	Tầng 4, tòa nhà CT2, Ngõ Thị Nhậm, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	83,53%
Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế Xuân Mai	Tầng 6, nhà 29T2 lô N05 - khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	86,54%
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Xuân Mai	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	77,78%
Công ty Cổ phần Cơ điện Xuân Mai	Tầng 3, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	97,00%
Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú	Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	85,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Xuân Mai	Tầng 5, tòa nhà CT2, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	98,89%
Công ty TNHH MTV Bê tông Xuân Mai	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	100,00%
Công ty TNHH MTV Xuân Mai Bình Dương	Thửa đất số 639, tờ bản đồ DC15, ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm:

<i>Tên Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2021</i>
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Thôn Đại La, xã Hoà Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	49,00 %
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	Áp Rạch Bắp, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	49,00 %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	Số 77/2, KP3, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	32,10 %
Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Số 64, đường Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	45,00%
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Tầng 1, tòa CT1, tổ hợp chung cư cao tầng Xuân Mai Tower, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	40,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	20 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Phần mềm quản lý nhân sự	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà và quyền sử dụng đất	50 năm
- Cơ sở hạ tầng	10 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

09. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

a) Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

b) Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ. tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là 9%/năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về phí dịch vụ chung cư.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là khoản hàng bán bị trả lại.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán, cung cấp và hoàn thành trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Trường hợp tài sản cố định được bán có lãi thì chi phí khấu hao đang được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất của bên mua tài sản cố định sẽ cao hơn chi phí khấu hao xét trên phương diện của cả tập đoàn, do đó trong Báo cáo tài chính hợp nhất kế toán phải điều chỉnh giảm chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

Khi loại trừ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì giá trị ghi sổ của tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó nên kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng với số lãi chưa thực hiện bị loại trừ khỏi giá trị TSCĐ. Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng phải được ghi giảm số tiền tương ứng với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của tập đoàn. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ giao dịch bán tài sản cố định giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ được hoàn nhập dần hàng kỳ khi kế toán điều chỉnh giảm chi phí khấu hao của tập đoàn.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	7.406.156.953	6.766.549.126
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.240.794.554	119.938.769.990
- Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	<u>33.646.951.507</u>	<u>135.705.319.116</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây, lãi suất gửi từ 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý(*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh	41.088.500	109.667.250	41.088.500	41.088.500
- Tổng giá trị cổ phiếu	41.088.500	109.667.250	41.088.500	41.088.500
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	41.088.500	109.667.250	41.088.500	41.088.500
Cộng	41.088.500	109.667.250	41.088.500	41.088.500

(*) Công ty đang nắm giữ 2.321 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hợp lý lấy theo giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 trên sàn giao dịch chứng khoán.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b.1. Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
b.2. Dài hạn	16.550.000.000	16.550.000.000	16.550.000.000	16.550.000.000
+ Trái phiếu (**)	16.550.000.000	16.550.000.000	16.550.000.000	16.550.000.000
Cộng	21.550.000.000	21.550.000.000	21.550.000.000	21.550.000.000

(*) : Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 3,7%/năm.

(**): - Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành sơ hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2018, đáo hạn 10 năm kể từ ngày phát hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chứng nhận, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng tham chiếu tại Ngày xác định lãi suất + 1%/năm, tổng số lượng trái phiếu là: 298 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/TP.

- Trái phiếu mua tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt với số lượng là 200 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn 7 năm từ ngày 24 tháng 11 năm 2020 đến ngày 24 tháng 11 năm 2027, lãi suất 8,1%/năm.

- Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành sơ hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2019, đáo hạn từ 07 năm đến 10 năm kể từ ngày phát hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chứng nhận, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1,2%/năm, tổng số lượng trái phiếu là: 927 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2020, đáo hạn 07 năm kể từ ngày phát hành của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chứng nhận, lãi suất 8,1%/năm, tổng số lượng trái phiếu là: 200 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng/TP.

Đơn vị tính: VND

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sơn An	32	32	29.970.755.000	29.970.755.000	32	32	29.970.755.000	29.970.755.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	49	49	40.430.398.927	-	49	49	40.430.398.927	-
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	49	49	24.500.000.000	-	49	49	24.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	40	40	60.012.247.387	60.012.247.387	40	40	60.012.247.387	60.012.247.387
- Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	45	45	49.500.000.000	49.500.000.000	45	45	120.600.000.000	120.600.000.000
Cộng			204.401.153.927	139.483.002.387			275.501.153.927	210.583.002.387

d. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Điện miền Bắc 2 (a)	0,13	0,13	722.150.000	1.467.075.500	0,13	0,13	722.150.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6,74	6,74	156.700.000.000	(*)	6,74	6,74	156.700.000.000	(*)
Cộng			157.422.150.000				157.422.150.000	

(*): Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

(a): Giá trị hợp lý xác định theo giá đóng cửa ngày 30 tháng 6 năm 2021 trên sàn giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
 Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Công ty liên kết	7.198.515.462	90.000.763.431
Mua hàng hóa và dịch vụ			
- Công ty Cổ phần tư vấn và dịch vụ kỹ thuật điện	Công ty liên kết	31.293.947	20.513.610
Trả nợ Vay ngắn hạn			
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật điện	Công ty liên kết	71.100.000.000	-
- Thu hồi vốn góp của chủ sở hữu	Công ty liên kết	71.100.000.000	-

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Xuân Mai Sài Gòn	2.414.225.077.797	2.649.217.107.236
- Chi nhánh Rose Town - Công ty cổ phần sản xuất Bao Bi và hàng xuất khẩu	1.125.615.427.080	1.209.674.682.616
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	441.211.876.353	503.288.572.049
	847.397.774.364	936.253.852.571
Cộng	2.414.225.077.797	2.649.217.107.236

b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng là công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	48.756.671.695	73.546.597.964
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	10.496.259.605	10.546.259.605
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Sơn An	20.873.729.142	21.232.082.485
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	5.225.008.295	5.225.008.295
	12.161.674.653	36.543.247.579
Cộng	48.756.671.695	73.546.597.964

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại VT	143.269.743.753	120.300.190.985
- Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư và thương mại Thăng Long	34.400.000.000	34.400.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	44.001.072.273	44.001.072.273
	64.868.671.480	41.899.118.712
Cộng	143.269.743.753	120.300.190.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	17.124.133.155	(14.800.000.000)	79.153.127.984	(15.200.000.000)
+ Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại VT	-	-	63.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	3.300.000.000	(3.300.000.000)	3.300.000.000	(3.300.000.000)
+ Các đối tượng khác	2.324.133.155	-	1.353.127.984	(400.000.000)
Cộng	17.124.133.155	(14.800.000.000)	79.153.127.984	(15.200.000.000)

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	494.627.059.334	(2.627.221.520)	603.771.080.732	(3.435.467.897)
- Tạm ứng	27.371.172.323	(1.641.974.992)	23.683.229.700	(1.641.974.992)
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.031.286.707	-	53.028.530.851	-
- Phải thu khác	436.224.600.304	(985.246.528)	527.059.320.181	(1.793.492.905)
+ Phải thu về tiền mua đất đã trả cho người bán nhưng chưa hoàn thành xong thủ tục pháp lý ^(a)	40.609.408.000	-	40.609.408.000	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Megastar	985.246.528	(985.246.528)	985.246.528	(985.246.528)
+ Công ty Cổ phần Bê tông Phan Vũ Hải Dương	10.385.297.030	-	10.385.297.030	-
+ Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì và Hàng xuất khẩu ^(b)	150.888.286.000	-	250.815.319.693	-
+ Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn và xây dựng Việt Hưng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
+ Tổng Công ty Phát triển phát thanh truyền hình thông tin	68.224.418.692	-	68.724.418.692	-
+ CN Rose Town – Công ty Cổ phần Sản xuất bao bì và Hàng xuất khẩu	42.781.977.780	-	97.991.977.780	-
+ Phải thu khác	112.349.966.274	-	47.547.652.458	(808.246.377)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	22.811.942.855	-	22.811.942.855	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	870.000.000	-	870.000.000	-
- Phải thu khác	21.941.942.855	-	21.941.942.855	-
+ Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành ^(c)	6.950.012.623	-	6.950.012.623	-
+ Công ty TNHH Thương mại - Tư vấn và Xây dựng Việt Hưng	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 1.01 (góp vốn đầu tư xây dựng dự án nhà ở Hemisco)	8.991.930.232	-	8.991.930.232	-
Cộng	517.439.002.189	(2.627.221.520)	626.583.023.587	(3.435.467.897)

(a) Là khoản đã trả tiền cho người bán để mua đất nhưng chưa hoàn thành xong các thủ tục pháp lý. Kiểm toán Nhà nước năm 2011 đã đề nghị điều chỉnh khoản trả trước này sang khoản phải thu khác.

(b) Là khoản hợp tác kinh doanh thực hiện dự án khu văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê tại Km9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

(c) Là khoản góp vốn vào dự án Chung cư tại phường Bình Trị Đông B, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty góp tương đương với 76,72% giá trị hợp đồng, đồng thời cũng là nhà thầu xây lắp cho dự án. Lợi ích cũng như rủi ro sẽ được phân bổ theo tỷ lệ góp vốn trước này sang khoản phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
 Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	21.496.259.605	-	21.496.259.605	-
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	21.373.729.142	-	21.373.729.142	-
- Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Vinaconex Bao bì và hàng xuất khẩu	-	-	16.919.304.321	-
- Chi nhánh Rose Town - Công ty Cổ phần sản xuất Bao bì và hàng xuất khẩu	254.279.490.182	143.965.766.912	254.279.490.182	143.965.766.912
- Ban điều hành dự án nhiệt điện Thái Bình 2	19.886.785.549	9.108.903.015	19.886.785.549	9.108.903.015
- Công ty Cổ phần Him Lam	11.619.824.809	5.809.912.404	11.619.824.809	5.809.912.404
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Vina 2	27.614.944.245	10.384.360.320	27.614.944.245	10.384.360.320
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại VT	93.625.120.405	36.417.550.490	93.625.120.405	36.417.550.490
- Các đối tượng khác	50.234.809.217	3.935.250.667	56.056.214.431	7.025.291.655
Cộng	500.130.963.154	209.621.743.808	522.871.672.689	212.711.784.796

08. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	42.764.622.245	(202.938.360)	60.979.586.637	(202.938.360)
- Công cụ, dụng cụ	6.791.694.951	(630.000)	3.057.747.331	(630.000)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	523.566.874.627	-	553.109.747.886	-
- Thành phẩm	26.999.236.818	-	25.536.624.339	-
- Hàng hoá	7.166.136.654	-	16.614.328.397	-
Cộng	607.288.565.295	(203.568.360)	659.298.034.590	(203.568.360)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	6.068.114.137	9.418.065.978
- Mua sắm	-	2.085.345.584
- Xây dựng cơ bản	6.068.114.137	7.332.720.394
+ Bãi thành phẩm mở rộng	826.776.236	826.776.236
+ Đầu tư, cải tạo hệ thống ván khuôn phục vụ sản xuất năm 2020	-	1.166.274.529
+ Dự án cải tạo nâng cấp trạm bơm Đông Mỹ, Thanh trì, Hà Nội	4.452.356.673	4.452.356.673
+ Công trình khác	788.981.228	887.312.956
Cộng	6.068.114.137	9.418.065.978

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	323.068.969.674	302.624.074.084	64.740.916.064	14.713.454.207	1.298.813.617	706.446.227.646
- Mua trong kỳ	70.728.604.314	13.049.136.585	1.925.957.739	9.051.376	-	85.712.750.014
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	2.070.006.406	2.813.130.554	(5.746.708.473)	1.104.939.257	(241.367.744)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.016.507.056)	(3.305.574.355)	(46.550.000)	-	(5.368.631.411)
- Giảm khác	-	(27.526.415.149)	-	-	-	(27.526.415.149)
Số dư cuối kỳ	395.867.580.394	288.943.419.018	57.614.590.975	15.780.894.840	1.057.445.873	759.263.931.100
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	103.168.238.720	191.818.885.806	38.898.507.478	11.247.945.928	1.074.449.139	346.208.027.071
- Khấu hao trong kỳ	6.807.118.273	15.231.502.194	2.632.534.897	807.017.653	-	25.478.173.016
- Phân loại lại	(4.396.562.622)	8.415.148.273	(4.689.758.760)	688.176.375	(17.003.266)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(409.958.917)	(1.970.316.150)	(37.498.624)	-	(2.417.773.691)
- Giảm khác	-	(40.075.515.569)	-	-	-	(40.075.515.569)
Số dư cuối kỳ	105.578.794.371	174.980.061.787	34.870.967.465	12.705.641.332	1.057.445.873	329.192.910.827
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	219.900.730.954	110.805.188.278	25.842.408.586	3.465.508.279	224.364.478	360.238.200.575
2. Tại ngày cuối kỳ	290.288.786.023	113.963.357.231	22.743.623.510	3.075.253.508	-	430.071.020.273

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 70.201.187.397 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 284.757.478.611 VND và 167.897.660.494 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh SGD I; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc; Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>31.833.001.347</i>	<i>31.833.001.347</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>12.363.323.208</i>	<i>12.363.323.208</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.600.247.520	1.600.247.520
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>13.963.570.728</i>	<i>13.963.570.728</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>19.469.678.139</i>	<i>19.469.678.139</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>17.869.430.619</i>	<i>17.869.430.619</i>

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm quản trị nhân sự	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>588.620.793</i>	<i>3.680.759.854</i>	<i>97.450.000</i>	<i>4.366.830.647</i>
- Mua trong kỳ	-	309.000.000	-	309.000.000
- Phân loại lại	614.545.207	(553.645.207)	(60.900.000)	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.203.166.000</i>	<i>3.436.114.647</i>	<i>36.550.000</i>	<i>4.675.830.647</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>588.620.793</i>	<i>3.014.211.926</i>	<i>92.373.618</i>	<i>3.695.206.337</i>
- Khấu hao trong kỳ	24.698.326	200.977.118	5.076.382	230.751.826
- Phân loại lại	563.184.042	(502.284.042)	(60.900.000)	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>1.176.503.161</i>	<i>2.712.905.002</i>	<i>36.550.000</i>	<i>3.925.958.163</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	<i>666.547.928</i>	<i>5.076.382</i>	<i>671.624.310</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>26.662.839</i>	<i>723.209.645</i>	-	<i>749.872.484</i>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 2.380.655.704 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	276.995.259.321	-	-	276.995.259.321
- Nhà và quyền sử dụng đất	275.161.244.114	-	-	275.161.244.114
- Cơ sở hạ tầng	1.834.015.207	-	-	1.834.015.207
II. Giá trị hao mòn lũy kế	28.274.539.343	3.079.627.482	-	31.354.166.825
- Nhà và quyền sử dụng đất	27.250.547.523	2.987.926.722	-	30.238.474.245
- Cơ sở hạ tầng	1.023.991.820	91.700.760	-	1.115.692.580
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	248.720.719.978	-	3.079.627.482	245.641.092.496
- Nhà và quyền sử dụng đất	247.910.696.591	-	2.987.926.722	244.922.769.869
- Cơ sở hạ tầng	810.023.387	-	91.700.760	718.322.627

14. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.740.832.245	3.712.005.981
- Chi phí trả trước về thuế TNDN tạm nộp	3.377.679	3.377.679
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.915.268.164	2.854.331.556
- Chi phí mua bảo hiểm	59.078.327	72.776.512
- Các khoản khác	763.108.075	781.520.234
b. Dài hạn	16.190.770.332	22.344.842.731
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.930.130.123	5.622.481.841
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	151.533.213	205.127.978
- Chi phí gia công ván khuôn	12.811.655.373	16.256.831.248
- Các khoản khác	297.451.623	260.401.664
Cộng	18.931.602.577	26.056.848.712

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	7.210.175.693	7.490.479.631
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	2.952.172.008	280.303.938
Số cuối kỳ	4.258.003.685	7.210.175.693

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính : VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay ngắn hạn	1.852.635.028.091	1.852.635.028.091	784.298.361.234	909.011.090.129	1.727.922.299.196	1.727.922.299.196	
- Vay ngắn hạn ngân hàng	1.698.779.701.660	1.698.779.701.660	749.767.270.510	807.982.876.969	1.640.564.095.201	1.640.564.095.201	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	1.461.550.471.138	1.461.550.471.138	680.025.363.839	652.269.156.694	1.489.306.678.283	1.489.306.678.283	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	18.990.594.121	18.990.594.121	33.323.848.516	32.542.408.724	19.772.033.913	19.772.033.913	
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt ^(c)	218.238.636.401	218.238.636.401	36.418.058.155	123.171.311.551	131.485.383.005	131.485.383.005	
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	67.099.737.670	67.099.737.670	14.006.819.072	27.112.256.802	53.994.299.940	53.994.299.940	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(d)	62.142.490.122	62.142.490.122	11.383.753.350	24.489.191.080	49.037.052.392	49.037.052.392	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	288.883.896	288.883.896	288.883.896	288.883.896	288.883.896	288.883.896	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	1.218.400.000	1.218.400.000	609.200.000	609.200.000	1.218.400.000	1.218.400.000	
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(g)	3.449.963.652	3.449.963.652	1.724.981.826	1.724.981.826	3.449.963.652	3.449.963.652	
- Vay đối tượng khác	86.755.588.761	86.755.588.761	20.524.271.652	73.915.956.358	33.363.904.055	33.363.904.055	
+ Vay cá nhân	86.755.588.761	86.755.588.761	20.524.271.652	73.915.956.358	33.363.904.055	33.363.904.055	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI
 Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay dài hạn	566.961.361.187	566.961.361.187	-	212.646.897.676	354.314.463.511	354.314.463.511
b.1 Vay ngân hàng	111.861.397.534	111.861.397.534	-	12.531.915.850	99.329.481.684	99.329.481.684
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(d)	109.813.135.320	109.813.135.320	-	11.383.753.350	98.429.381.970	98.429.381.970
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	591.062.214	591.062.214	-	538.962.500	52.099.714	52.099.714
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	1.457.200.000	1.457.200.000	-	609.200.000	848.000.000	848.000.000
b.2 Nợ thuế tài chính	3.449.963.653	3.449.963.653	-	1.724.981.826	1.724.981.827	1.724.981.827
+ Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(g)	3.449.963.653	3.449.963.653	-	1.724.981.826	1.724.981.827	1.724.981.827
b.3 Trái phiếu thường^(h)	451.650.000.000	451.650.000.000	-	198.390.000.000	253.260.000.000	253.260.000.000
+ Loại phát hành theo mệnh giá	451.650.000.000	451.650.000.000	-	198.390.000.000	253.260.000.000	253.260.000.000
Cộng	2.419.596.389.278	2.419.596.389.278	784.298.361.234	1.121.657.987.805	2.082.236.762.707	2.082.236.762.707

^(a) Là khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau :

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 01/2020/178640/HHTD ngày 01 tháng 10 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với hạn mức tối đa 1.380 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản sau:

- + Văn phòng Công ty tại tầng 4 tòa tháp Xuân Mai Tower Tô Hiệu - Hà Đông và nội thất gắn liền;
- + Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng;
- + Và một số các tài sản khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo hợp đồng số 01/2020/178640/HĐTD ngày 30 tháng 09 năm 2020 với hạn mức tối đa 540 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được quy định theo từng khe ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản: Cần trục tháp QTZ 7030, cần trục tháp ZOOMLION TC 7030B, Cầu tháp QTZ 7030 ĐQSD số 4, cầu tháp POTAIN-F3/29B, cầu tháp JCC180U số 1 và cầu tháp JCC180U số 2 và một số các tài sản khác.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/362395/HĐTD ngày 07 tháng 6 năm 2021 với hạn mức là 6.500.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng khe ước nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh mở thư tín dụng L/C (nếu có). Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị và một phần nhà xưởng sản xuất của Công ty tại khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 01/2020/2458067 ngày 25 tháng 12 năm 2020. Hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng. Mục đích vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả lương cho cán bộ công nhân. Thời hạn vay và lãi suất vay được quy định theo từng khe ước nhận nợ.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/3267046/2020/HĐTD ngày 05 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến hết ngày 30/9/2021, lãi suất 6,7%/năm. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2020/7730161/HĐTD ngày 31/08/2020, với hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng, lãi suất vay từ 6,5%/năm đến 7,8%/năm để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.
- (b) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng cấp tín dụng số 20/DN-ĐBIP/HĐTD 036 ngày 12 tháng 11 năm 2020 với hạn mức là 20.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng khe ước nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 416800 bao gồm quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền trên đất tại Khu phố Bê Tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của công ty.
- (c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt theo các hợp đồng sau:
 - Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức số: HDTD1052020198 ngày 28 tháng 10 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng khe ước nhận nợ vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai – Công ty mẹ.
 - Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số HDTD1052011197 ngày 15 tháng 1 năm 2021 để phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Thời hạn vay đến 14 tháng 1 năm 2022, lãi suất vay được quy định theo từng khe ước nhận nợ.
 - Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD105202199 ngày 01 tháng 6 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 70.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (trừ bảo lãnh vay vốn) là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20.000.000.000 đồng), thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Xuân Mai bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD105202023 ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD105202162 ngày 12 tháng 04 năm 2021, với hạn mức tín dụng là : 90.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay từ 8,7%/năm đến 10,4%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng bảo lãnh của Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Xuân Mai cho toàn bộ nghĩa vụ nợ.

(d) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau :

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng số 02/2015/178640/HĐTD ngày 30 tháng 01 năm 2015, số 02/2015/178640/HĐTD ngày 14 tháng 02 năm 2015 và số 01/2017/178640/HĐTD ngày 10 tháng 4 năm 2017 với tổng hạn mức là 192.658.000.000 đồng để đầu tư máy móc thiết bị và mua cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay và toàn bộ 9.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào.

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/2458067/HĐTD ngày 29 tháng 11 năm 2019 để mua Xe ô tô Ford Everest Titanium. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 24 tháng cộng (+) phí ngân hàng tối thiểu 4%/năm, được điều chỉnh 03 tháng một lần.

(e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo kế ước giải ngân và nhận nợ số 552/2018/GNN/NHN/02 ngày 06 tháng 8 năm 2018. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay từ 8,9%/năm đến 12,05%/năm để mua ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay trên.

(f) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 73/16/SME-TD/H/VCBHT ngày 11 tháng 10 năm 2016 để mua 04 xe đầu kéo và 04 somi - romooc, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay trong năm là 10,0%/năm và các hợp đồng tín dụng số 42/18/SME-TD/H/VCBTHN ngày 09 tháng 08 năm 2018 thời hạn 60 tháng, lãi suất có điều chỉnh ; Hợp đồng tín dụng số 69/19SME-TD/H/VCBTHN ngày 28 tháng 10 năm 2019 thời hạn vay 60 tháng, lãi suất có điều chỉnh ; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 74/19/SME/TD/H/VCBTHN ngày 08 tháng 11 năm 2019 thời hạn vay 60 tháng, lãi suất có điều chỉnh. Mục đích vay để thanh toán tiền mua phương tiện theo phương án đầu tư tài sản cố định của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(g) Khoản nợ thuế tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hình thức thuê tài chính căn cứ theo hợp đồng số 39.16.01/CTTC ngày 31/5/2016. Thời hạn 72 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Ngân hàng giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/ lần. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, toà tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(b) Chi tiết trái phiếu phát hành

Trái chủ	Số lượng	Số dư cuối kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%)	Tài sản đảm bảo
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	253	253.260.000.000	Năm 2021	10%	(*)
Cộng	253	253.260.000.000			

(*) Tài sản đảm bảo là:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đối với công trình N0-DV02, N0-DV03, N0-DV04 thuộc dự án Khu Văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê - Rose Town tại Km 9 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐTC/XMC-BIDV.HTA ngày 28 tháng 08 năm 2019;
- Toàn bộ quyền tài sản với công trình N0-DV01, N0-DV05 thuộc dự án Khu Văn phòng giao dịch, nhà ở chung cư cao tầng, khu căn hộ khách sạn lưu trú, khu biệt thự, nhà vườn để bán và cho thuê - Rose Town tại Km 9 đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 05/2018/178640/HĐBĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018.

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	796.682.027.525	796.682.027.525	953.998.536.308	953.998.536.308
- Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	92.934.066.455	92.934.066.455	103.084.066.455	103.084.066.455
- Công ty Cổ phần xây dựng An Phong	145.869.891.924	145.869.891.924	160.456.498.678	160.456.498.678
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	557.878.069.146	557.878.069.146	690.457.971.175	690.457.971.175
Cộng	796.682.027.525	796.682.027.525	953.998.536.308	953.998.536.308

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b. Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Sơn An	196.018.710	196.018.710	161.595.368	161.595.368	
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	39.000.000	39.000.000	39.000.000	39.000.000	
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật điện	122.595.368	122.595.368	122.595.368	122.595.368	
	34.423.342	34.423.342	-	-	
Cộng	196.018.710	196.018.710	161.595.368	161.595.368	

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng EMICO	172.833.930.755	172.833.930.755	167.944.439.406	167.944.439.406
- Công ty Cổ phần Lilama 10	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000	17.468.000.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình văn hóa xã hội thành phố Hà Nội	35.167.908.914	35.167.908.914	31.059.312.387	31.059.312.387
- Công ty TNHH điện Xekaman 3	48.001.854.043	48.001.854.043	22.001.854.043	22.001.854.043
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	11.725.172.024	11.725.172.024	17.533.588.537	17.533.588.537
	60.470.995.774	60.470.995.774	79.881.684.439	79.881.684.439
Cộng	172.833.930.755	172.833.930.755	167.944.439.406	167.944.439.406

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	27.163.605.997	36.997.779.014	41.387.388.945	-	22.773.996.066
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	72.327.065	72.327.065	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	35.448.616	35.448.616	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.125.002.271	25.643.259.868	5.567.830.069	11.434.587.759	752.581.239	19.404.081.146
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.059.711.410	3.500.876.170	4.132.639.357	286.951.390	714.899.613
- Thuế tài nguyên	-	378.680	1.125.296	486.700	-	1.017.276
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.967.732.375	198.926.845	2.095.891.903	-	70.767.317
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	464.282	22.171.913	22.270.130	-	366.065
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	383.921.300	1.123.810.978	408.708.303	-	1.099.023.975
Cộng	1.125.002.271	56.219.073.912	47.520.295.966	59.589.748.778	1.039.532.629	44.064.151.458

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	289.622.337.400	213.553.668.205
- Chi phí lãi vay	14.305.543.664	23.977.867.403
- Trích trước chi phí công trình	272.448.628.361	186.670.933.416
- Các khoản trích trước khác	2.868.165.375	2.904.867.386
b. Dài hạn	50.237.830.459	50.903.221.969
- Trích trước chi phí khấu hao BĐSĐT vào giá vốn	50.237.830.459	50.903.221.969
Cộng	339.860.167.859	264.456.890.174

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	152.517.634.125	202.237.582.092
- Kinh phí công đoàn	2.243.766.757	2.317.403.547
- Bảo hiểm xã hội	3.465.925.723	5.080.585.899
- Bảo hiểm y tế	596.725.935	823.869.372
- Bảo hiểm thất nghiệp	224.393.212	336.861.589
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.350.000	10.350.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	34.492.753.226	81.538.600.846
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	111.483.719.272	112.129.910.839
+ Phí bảo trì Chung cư	2.254.173.969	2.359.173.969
+ Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng EMICO	36.483.964.123	37.783.964.123
+ Khách hàng nộp tiền kinh phí bảo trì	41.951.229.293	44.955.031.101
+ Phải trả, phải nộp khác	30.794.351.887	27.031.741.646
b. Dài hạn	11.041.004.638	11.083.104.638
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.041.004.638	11.083.104.638
Cộng	163.558.638.763	213.320.686.730

22. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	172.587.501	695.548.774
- Tiền dịch vụ chung cư	26.375.379	161.992.003
- Doanh thu nhận trước	146.212.122	533.556.771
Cộng	172.587.501	695.548.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

23. Dự phòng phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	11.529.922.052	10.691.126.558
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	11.529.922.052	10.691.126.558
+ Công trình Marina Square Phú Quốc phần thân từ 0.00 đến mái	1.671.766.632	1.671.766.632
+ Công trình Tân Thuận Tây	6.822.158.502	6.822.158.472
+ Công trình khác	3.035.996.918	2.197.201.454
b. Dài hạn	1.192.632.995	-
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.192.632.995	-
+ Công trình thi công hệ thống cơ điện hầm chung 3 tòa CT1, CT2, CT3 và phần thân tòa CT1 công trình Xuân Mai Thanh Hóa	686.460.083	-
+ Công trình thi công xây dựng lắp đặt hệ thống cơ điện và thiết bị cho phần thân tòa CT2 công trình Xuân Mai Thanh Hóa	293.002.642	-
+ Khu nhà ở cao tầng dịch vụ tại ô đất CT8 Mỹ Đình	133.170.270	-
+ Công trình khác	80.000.000	-
Cộng	12.722.555.047	10.691.126.558

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

24. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	577.411.140.000	(30.845.085)	12.684.689.158	123.003.619.227	102.850.434.604	815.919.037.904
- Tăng vốn trong năm trước	96.232.250.000	-	-	-	-	96.232.250.000
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	126.984.724.409	(407.062.562)	126.577.661.847
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty mẹ	-	-	-	(92.009.337.577)	-	(92.009.337.577)
- Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty con	-	-	96.519.175	(3.938.560.342)	(1.979.728.788)	(5.821.769.955)
- Giảm khác	-	-	-	-	(73.515.003.049)	(73.515.003.049)
Số dư cuối năm trước	673.643.390.000	(30.845.085)	12.781.208.333	154.040.445.717	26.948.640.205	867.382.839.170
Số dư đầu năm nay						
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(16.508.365.961)	(107.615.979)	(16.615.981.940)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ tại Công ty con	-	-	4.979.699	(2.661.774.157)	(1.583.772.390)	(4.240.566.848)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	673.643.390.000	(30.845.085)	12.786.188.032	134.870.305.599	25.257.251.836	846.526.290.382

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
- Công ty TNHH Khải Hưng	234.781.740.000	34,85	231.309.740.000	34,34
- Bà Đinh Thị Thanh Hà	155.526.240.000	23,09	155.526.240.000	23,09
- Các cổ đông khác	283.335.410.000	42,06	286.807.410.000	42,58
Cộng	673.643.390.000	100	673.643.390.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	673.643.390.000	577.411.140.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	96.232.250.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	673.643.390.000	673.643.390.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.364.339	67.364.339
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.364.339	67.364.339
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.364.339	67.364.339
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.760	1.760
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.362.579	67.362.579
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.362.579	67.362.579
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	12.786.188.032	12.781.208.333
Cộng	12.786.188.032	12.781.208.333

25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	96,49	189,89
- EUR	74,48	74,48

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Doanh thu bán hàng	75.898.915.408	58.942.387
- Doanh thu bán thành phẩm	71.298.399.162	87.860.533.257
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.951.741.449	53.023.769.866
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.173.043.377	61.176.520.387
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và sản xuất công nghiệp	364.153.514.829	439.881.219.398
- Doanh thu khác	12.498.091.402	-
Cộng	592.973.705.627	642.000.985.295

Ngoài các doanh thu đã thuyết minh tại mục V.02, không còn doanh thu nào khác với các bên liên quan.

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Hàng bán bị trả lại	3.150.000	-
Cộng	3.150.000	-

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.315.388.832	50.492.099
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	69.409.476.594	68.860.323.195
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.712.678.062	51.853.580.951
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản	11.645.736.511	56.238.000.271
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng và sản xuất công nghiệp	321.798.413.078	403.131.189.993
- Giá vốn của hoạt động khác	20.990.524.305	-
Cộng	536.872.217.382	580.133.586.509

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.578.573.152	37.372.503.195
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	5.133.500.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	11.450.308	2.051.660.318
- Doanh thu tài chính khác	22.233.177.939	408.640
Cộng	44.823.201.399	44.558.072.153

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lãi tiền vay	76.500.692.929	75.349.229.373
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.742.562	687.765
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	-	(1.835.000.000)
- Chi phí tài chính khác	4.950.178	151.279.134
Cộng	76.508.385.669	73.666.196.272

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.480.823.520	359.090.909
- Hoàn nhập dự phòng	540.831.817	1.505.526.007
- Thu nhập từ bán công cụ, dụng cụ	2.923.740.601	
- Tiền phạt thu được	48.372.815	13.000.000
- Các khoản khác	4.375.343.464	728.986.276
Cộng	9.369.112.217	2.606.603.192

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phạt vi phạm hành chính, truy thu các khoản thuế phải nộp và lãi chậm nộp các năm trước	1.534.299.331	-
- Chi phí bồi thường	-	306.885.377
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ thanh lý	3.039.219.369	-
- Các khoản khác	511.991.329	630.174.139
Cộng	5.085.510.029	937.059.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	44.305.672.773	54.512.860.877
- Chi phí nhân viên quản lý	28.633.887.007	33.252.118.589
- Chi phí vật liệu quản lý	493.553.555	910.755.182
- Chi phí đồ dùng văn phòng	392.148.451	793.186.580
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.850.459.467	5.060.586.561
- Thuế, phí và lệ phí	81.990.499	174.545.297
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.580.386.420	7.063.036.088
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.273.247.374	7.258.632.580
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	2.653.150.919	2.559.927.931
- Chi phí nhân viên	626.926.290	798.457.563
- Chi phí vật liệu, bao bì	382.950	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.258.462	26.901.306
- Chi phí khấu hao TSCĐ	64.614.672	73.524.543
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.455.761.424	1.462.217.208
- Chi phí khác	499.207.121	198.827.311
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.899.847.524)	(127.365.000)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(9.899.847.524)	(127.365.000)
Cộng	37.058.976.168	56.945.423.808

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5.562.920.731	1.141.443.083
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	4.909.338	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.567.830.069	1.141.443.083

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.685.931.866	280.419.637
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.685.931.866	280.419.637

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(16.508.365.961)	(22.236.170.534)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(16.508.365.961)	(22.236.170.534)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.362.579	64.578.489
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(245)	(344)

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	(16.508.365.961)	(22.236.170.534)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(16.508.365.961)	(22.236.170.534)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.362.579	64.578.489
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(245)	(344)

13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	157.786.473.828	313.363.556.250
- Chi phí nhân công	138.244.021.132	174.256.828.795
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.388.799.844	29.297.976.177
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.082.493.894	241.758.596.617
- Chi phí khác bằng tiền	21.008.360.961	59.343.336.167
- Chi phí lãi vay vốn hóa	-	2.181.362.050
- Chi phí dự phòng	(8.707.214.529)	-
Cộng	474.802.935.130	820.201.656.056

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Đơn vị tính: VND	
Chức vụ	Tổng thu nhập	
Ông Bùi Khắc Sơn	Chủ tịch HĐQT	607.717.920
Ông Nguyễn Đức Cừ	Phó Chủ tịch HĐQT	488.034.916
Ông Nguyễn Thọ Phùng	Thành viên HĐQT	431.867.858
Ông Kim Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	325.923.801
Bà Đỗ Thị Huệ	Thành viên HĐQT	106.869.923
Ông Nguyễn Cao Thắng	Tổng Giám đốc	344.767.165
Ông Lê Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc	265.508.927
Ông Đinh Việt Long	Phó Tổng Giám đốc	363.595.238
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	252.566.321
Ông Hoàng Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	239.286.840
Ông Mai Văn Định	Kế toán trưởng	242.544.367
Cộng		3.668.683.276

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xuân Mai Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật điện	Công ty liên kết

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục V.02 không còn nghiệp vụ nào khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.17 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay	11.500.000.000	11.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bê tông Xuân Mai Miền Nam	11.000.000.000	11.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuân Mai Đà Nẵng	500.000.000	500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.351.389	6.351.389
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Sơn An	6.351.389	6.351.389
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	71.100.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật điện	-	71.100.000.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng và sản xuất công nghiệp;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản bao gồm: Chuyển nhượng bất động sản và cho thuê bất động sản dài hạn ghi nhận doanh thu 01 lần;
- Lĩnh vực khác: Bao gồm bán hàng hóa, vật tư, cho thuê máy móc thiết bị, Đầu tư tài chính và hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Kinh doanh Bất động sản	Sản xuất công nghiệp và thi công xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	20.173.043.377	435.451.913.991	137.345.598.259	592.970.555.627
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	16.547.324.202	439.742.266.834	149.326.786.784	605.616.377.820
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.625.719.175	(4.290.352.843)	(11.981.188.525)	(12.645.822.193)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	9.334.501	2.407.266.143	190.608.980	2.607.209.624
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.162.158.812	25.515.252.614	1.637.156.843	31.314.568.269
Số dư tại ngày 30/6/2021				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	378.384.441.869	2.865.375.564.491	903.766.198.970	4.147.526.205.330
- Tài sản không phân bổ				352.143.192.394
Tổng tài sản	378.384.441.869	2.865.375.564.491	903.766.198.970	4.499.669.397.724
- Nợ phải trả bộ phận	172.303.289.176	2.634.884.416.645	831.067.139.493	3.638.254.845.314
- Nợ phải trả không phân bổ				14.888.262.028
Tổng nợ phải trả	172.303.289.176	2.634.884.416.645	831.067.139.493	3.653.143.107.342

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.646.951.507	-	135.705.319.116		33.646.951.507	135.705.319.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.872.391.620.956	(275.309.219.346)	3.174.037.270.272	(294.959.887.893)	2.597.082.401.610	2.879.077.382.379
Phải thu về cho vay	17.124.133.155	(15.200.000.000)	79.153.127.984	(15.200.000.000)	1.924.133.155	63.953.127.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.041.088.500	-	5.041.088.500		5.041.088.500	5.041.088.500
Cộng	2.928.203.794.118	(290.509.219.346)	3.393.936.805.872	(310.159.887.893)	2.637.694.574.772	3.083.776.917.979

Giá trị sổ sách

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	796.682.027.525	953.998.536.308	796.682.027.525	953.998.536.308
Vay và nợ	2.082.236.762.707	2.419.596.389.278	2.082.236.762.707	2.419.596.389.278
Chi phí phải trả	339.860.167.859	213.553.668.205	339.860.167.859	213.553.668.205
Các khoản phải trả khác	145.976.472.498	112.129.910.839	145.976.472.498	112.129.910.839
Cộng	3.364.755.430.589	3.699.278.504.630	3.364.755.430.589	3.699.278.504.630

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty liên kết và các đối tượng khác vay tiền. Các khoản cho vay có khả năng suy giảm đã được Công ty trích dự phòng đầy đủ, đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các khoản còn lại đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	796.682.027.525	-	-	796.682.027.525
Vay và nợ	1.727.922.299.196	354.314.463.511	-	2.082.236.762.707
Chi phí phải trả	289.622.337.400	50.237.830.459	-	339.860.167.859
Các khoản phải trả khác	145.976.472.498	-	-	145.976.472.498
Cộng	2.960.203.136.619	404.552.293.970	-	3.364.755.430.589
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	953.998.536.308	-	-	953.998.536.308
Vay và nợ	1.852.635.028.091	566.961.361.187	-	2.419.596.389.278
Chi phí phải trả	213.553.668.205	-	-	213.553.668.205
Các khoản phải trả khác	112.129.910.839	-	-	112.129.910.839
Cộng	3.132.317.143.443	566.961.361.187	-	3.699.278.504.630

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG XUÂN MAI

Tầng 4, tòa tháp Xuân Mai, đường Tô Hiệu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Mai Văn Định

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

Ông Giám đốc

Nguyễn Cao Thắng